

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 30



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**

Số 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Ngô Hữu Hùng	Ủy viên
Ông Hà Đăng Luyện	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017)
Bà Trần Thị Bích Phương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017)

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Đỗ Kim Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Văn Thiệt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017)
Ông Tiêu Văn Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017)
Ông Trần Phước Cao	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

00112  
CHI  
CỔ  
ÁCH N  
DEI  
VI  
1-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**

Số 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Võ Thành Nhân**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

500-6  
NHẬP  
NG T  
HIỆM H  
OIT  
T N  
P. HỒ



Số: 684 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi cho một số khoản phải thu từ các công ty trong Tập đoàn Mai Linh. Việc hoàn nhập này là chưa phù hợp với quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 228") ngày 7 tháng 12 năm 2009. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư 228 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 thì chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ lần lượt tăng và giảm với cùng số tiền ước tính là 6.846.488.318 đồng. Đồng thời, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ lần lượt tăng và giảm với cùng số tiền ước tính là 6.846.488.318 đồng.

02-C.T  
H  
Y  
U HAN  
TE  
M  
CHỈ M



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty và các công ty con chưa ước tính lại số dư dự phòng giảm giá đầu tư vào MSH dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo quy định của Thông tư 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 28 tháng 6 năm 2013. Vấn đề này ảnh hưởng đến khoản mục dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào MSH, cũng như số liệu dự phòng đầu tư của Công ty vào các công ty con có đầu tư vào MSH. Việc chưa ước tính lại số dư dự phòng giảm giá đầu tư vào MSH xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ đó. Nếu Công ty và các công ty con thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào MSH theo quy định của Thông tư 89 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 thì chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" (theo dõi dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con và MSH) và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ lần lượt tăng và giảm với cùng số tiền ước tính là 15.217.143.951 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.180.802.812 đồng). Đồng thời, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ lần lượt tăng và giảm với cùng số tiền ước tính là 7.036.341.139 đồng (năm 2016: 8.180.802.812 đồng).

Theo đó, nếu Công ty hạch toán đầy đủ hai khoản mục chi phí nêu trên, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11.415.686.539 đồng.

Ngoài ra, giá trị tài sản thuần của MSH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư có tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ ("BOT Phú Mỹ"). Việc không ghi nhận khoản chi phí dự phòng ước tính cho khoản đầu tư tại BOT Phú Mỹ nói trên vào giá trị tài sản thuần của MSH xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến BOT Phú Mỹ để xác định ảnh hưởng (nếu có) đến tài sản thuần của MSH tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh thêm đối với số dư dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư của Công ty vào MSH hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (Công ty mẹ), Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Bên liên quan) và Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã đồng ý hợp nhất với nhau để tạo thành một công ty chung. Tuy nhiên, báo cáo tài chính riêng của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Hồng Quân  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2758-2014-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.047.938.324</b>	<b>65.874.189.808</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.581.577.477</b>	<b>7.954.491.084</b>
1. Tiền	111	4	2.581.577.477	7.954.491.084
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.039.758.620</b>	<b>52.296.234.451</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.193.148.422	3.371.667.919
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		226.255.000	237.472.829
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	9.184.529.461	4.115.181.360
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	41.545.692.850	47.872.581.504
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(109.867.113)	(3.300.669.161)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>842.334.817</b>	<b>1.025.520.849</b>
1. Hàng tồn kho	141		842.334.817	1.025.520.849
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.584.267.410</b>	<b>4.597.943.424</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.393.377.252	2.682.835.880
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.356.655	1.736.574.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		178.533.503	178.533.503
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>336.337.831.252</b>	<b>338.901.980.814</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.588.420.727</b>	<b>1.959.024.186</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	5.513.420.727	1.847.950.186
2. Phải thu dài hạn khác	216		75.000.000	111.074.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>207.894.371.069</b>	<b>202.864.461.380</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	189.575.825.069	184.545.915.380
- Nguyên giá	222		275.349.878.672	254.612.137.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.774.053.603)	(70.066.221.672)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	18.318.546.000	18.318.546.000
- Nguyên giá	228		18.318.546.000	18.318.546.000
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>19.090.909.096</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	19.090.909.096
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>121.183.062.664</b>	<b>112.632.652.889</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	122.420.221.847	108.060.221.847
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	24.124.433.000	24.124.433.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	680.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(25.361.592.183)	(20.232.001.958)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.671.976.792</b>	<b>2.354.933.263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.671.976.792	2.354.933.263
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>396.385.769.576</b>	<b>404.776.170.622</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>297.099.947.105</b>	<b>301.289.938.469</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>130.671.594.890</b>	<b>149.313.847.145</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.144.876.827	31.502.742.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	210.450.450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.504.335.083	582.139.081
4. Phải trả người lao động	314		2.851.268.972	4.485.931.615
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.937.728.687	2.369.190.250
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	18.283.497.876	21.617.157.600
7. Vay ngắn hạn	320	18	98.647.519.445	88.418.667.564
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		302.368.000	127.568.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>166.428.352.215</b>	<b>151.976.091.324</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		57.730.000	57.730.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	63.575.815.491	53.040.478.932
3. Vay dài hạn	338	19	102.794.806.724	98.877.882.392
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>99.285.822.471</b>	<b>103.486.232.153</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>99.285.822.471</b>	<b>103.486.232.153</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.792.610.000	92.792.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.792.610.000	92.792.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000	289.330.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		166.650.000	166.650.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.037.232.471	10.237.642.153
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.570.089.553	1.195.136.234
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.467.142.918	9.042.505.919
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>396.385.769.576</b>	<b>404.776.170.622</b>

  
Dương Trung Tình  
Người lập biểu

  
Đoàn Triệu Chu Luân  
Kế toán trưởng

  
Võ Thành Nhân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2018






**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		207.615.582.238	218.651.617.236
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		127.313.804	90.032.760
3. <b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10	21	<b>207.488.268.434</b>	<b>218.561.584.476</b>
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	168.719.357.981	176.995.361.302
5. <b>Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	20		<b>38.768.910.453</b>	<b>41.566.223.174</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.302.805.429	9.638.606.884
7. Chi phí tài chính	22	25	24.753.061.535	21.856.179.426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.211.576.897	16.991.586.366
8. Chi phí bán hàng	25		9.523.152.710	8.069.792.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.895.125.574	13.386.602.373
10. <b>động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	30		<b>(1.099.623.937)</b>	<b>7.892.255.905</b>
11. Thu nhập khác	31		3.855.406.348	3.748.617.032
12. Chi phí khác	32		288.639.493	2.217.774.406
13. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40	26	<b>3.566.766.855</b>	<b>1.530.842.626</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>2.467.142.918</b>	<b>9.423.098.531</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	380.592.612
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	60		<b>2.467.142.918</b>	<b>9.042.505.919</b>

  
Dương Trung Tình  
Người lập biểu

  
Đoàn Triệu Chu Luân  
Kế toán trưởng

  
Võ Thành Nhân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



00-002  
NHÂN  
G TY  
EM HUU  
ITTE  
NAM  
HỒ CH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.467.142.918	9.423.098.531
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	34.122.071.243	30.911.187.736
Các khoản dự phòng	03	1.938.788.177	4.653.915.416
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.852.199.631)	(12.455.014.616)
Chi phí lãi vay	06	19.211.576.897	16.991.586.366
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.887.379.604	49.524.773.433
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.910.085.399	(19.771.739.637)
Thay đổi hàng tồn kho	10	183.186.032	590.764
Thay đổi các khoản phải trả	11	3.998.843.460	26.203.204.333
Thay đổi chi phí trả trước	12	972.415.099	(2.262.712.784)
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.115.086.720)	(16.991.586.366)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(269.200.000)	(875.119.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.567.622.874	35.827.410.143
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(49.627.514.174)	(50.798.673.645)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	6.087.227.271	9.147.841.500
3. Tiền chi cho vay	23	(300.000.000)	(6.950.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	2.746.530.420	4.704.871.936
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.780.000.000)	(10.551.398)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	866.767.644	305.658.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50.006.988.839)	(43.600.853.204)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	171.639.721.057	105.875.971.930
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(161.393.944.844)	(95.086.317.901)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.179.323.855)	(826.351.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.066.452.358	9.963.302.229
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.372.913.607)	2.189.859.168
Tiền đầu năm	60	7.954.491.084	5.764.631.916
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.581.577.477	7.954.491.084

Dương Trung Tình  
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân  
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là "MLC", tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty là "MNC", bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là "MLG") là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 752 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.162).

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các chi nhánh, công ty con sở hữu trực tiếp và công ty con sở hữu gián tiếp sau:

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch	Số 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

<b>Tên công ty con sở hữu trực tiếp</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế (*)	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Số 206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thanh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28, Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Số 232, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Số 97D, Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Số 147, Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Số 67, Loseby, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng	Dịch vụ taxi



(\*) Ngày 02 tháng 11 năm 2015, theo Nghị quyết số 42/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn điều lệ của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Thành Đô Huế. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Thành Đô Huế là 6.210.000.000 đồng, giá mua là 6.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển nhượng vốn góp. Công ty TNHH Thành Đô Huế đã ngưng hoạt động tại thời điểm được chuyển nhượng về Công ty TNHH Mai Linh Huế và bản chất của việc Công ty TNHH Mai Linh Huế nhận chuyển nhượng vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Thành Đô Huế là để mua lại tài sản cố định của Công ty TNHH Thành Đô Huế.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong năm 2017, Công ty hoạt động bình thường và không có sự kiện phát sinh ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ việc thực hiện phương án hợp nhất "Một Mai Linh" như trình bày tại Thuyết minh số 2 và nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết Minh số 13.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Theo phương án hợp nhất "Một Mai Linh" được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và hợp đồng hợp nhất ký ngày 23 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (Công ty mẹ), Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Bên liên quan) và Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã đồng ý hợp nhất với nhau để tạo thành một công ty chung. Theo quy định của hợp đồng hợp nhất và của Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, sau khi công ty hợp nhất được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các công ty bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; công ty hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty bị hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phương án hợp nhất vẫn đang trong quá trình thực hiện và chờ phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, việc chuyển một đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập thành một đơn vị không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc hoặc ngược lại vẫn được coi là hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính riêng của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.



Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Dự phòng các khoản cho vay và giảm giá đầu tư**

Dự phòng các khoản cho vay và giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

00  
NH  
TY  
ƯU  
TI  
M  
C



### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Công ty là bên cho thuê:*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Công ty là bên đi thuê:*

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước phí bảo hiểm, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.





### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ khác được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**4. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.688.654.013	1.853.360.614
Tiền gửi ngân hàng	892,923,464	6.078.486.046
Tiền đang chuyển	-	22.644.424
	<b>2.581.577.477</b>	<b>7.954.491.084</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	488.441.400	411.848.503
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.704.707.022	2.959.819.416
	<b>3.193.148.422</b>	<b>3.371.667.919</b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 29)	9.184.529.461	4.115.181.360
Cho vay dài hạn (Thuyết minh số 29)	5.513.420.727	1.847.950.186
	<b>14.697.950.188</b>	<b>5.963.131.546</b>

Chi tiết các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đối tượng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền VND
<b>Ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	12 tháng	1%/tháng	2.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3 tháng	0,75%/tháng	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	12 tháng	0,83-0,91%/tháng	5.298.728.648
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	1 tháng	0,75-0,83%/tháng	285.800.813
			<b>9.184.529.461</b>
<b>Dài hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	36-48 tháng	0,83-0,91%/tháng	563.426.610
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	48 tháng	0,83%/tháng	149.994.117
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	25 tháng	7%/năm	4.800.000.000
			<b>5.513.420.727</b>

Đây là các khoản cho vay tín chấp nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho các công ty con.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty thành viên của Công ty (*)	12.920.993.524	26.575.501.026
Công ty thành viên trong Tập đoàn Mai Linh (*)	27.652.692.073	19.723.424.789
Tạm ứng	571.752.914	1.022.878.932
Các khoản phải thu khác	400.254.339	550.776.757
	<b>41.545.692.850</b>	<b>47.872.581.504</b>

(\*) Chi tiết các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 29.





**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Số tiền VND
Số dư đầu năm trước	3.242.056.652
Trích dự phòng trong năm	58.612.509
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>3.300.669.161</b>
Hoàn nhập dự phòng trong năm (*)	(3.190.802.048)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>109.867.113</b>

(\*) Trong năm 2017, Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi cho một số khoản phải thu từ các công ty trong Tập đoàn Mai Linh vì các khoản phải thu này sẽ được thu hồi thông qua việc cần trừ công nợ từ quá trình hợp nhất "Một Mai Linh" của Tập đoàn Mai Linh như được trình bày ở Thuyết minh số 2.

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi có giá trị lớn bao gồm:

Đối tượng nợ	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	Trên 3 năm	3.128.861.729	-	3.128.861.729
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	Từ 2 - 3 năm	136.904.005	109.867.113	27.036.892
		<b>3.265.765.734</b>		<b>3.155.898.621</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.393.377.252</b>	<b>2.682.835.880</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.745.966	37.022.473
Chi phí bảo hiểm	1.265.692.519	1.086.545.135
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.107.938.767	1.559.268.272
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.671.976.792</b>	<b>2.354.933.263</b>
Vật tư xuất dùng	417.202.570	656.496.543
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.254.774.222	1.698.436.720

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm	3.692.132.322	164.432.113	250.755.572.617	254.612.137.052
Tăng trong năm	-	-	46.527.374.493	46.527.374.493
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.789.632.873)	(25.789.632.873)
Số cuối năm	3.692.132.322	164.432.113	271.493.314.237	275.349.878.672
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu năm	2.182.368.131	164.432.113	67.719.421.428	70.066.221.672
Khấu hao trong năm	211.546.247	-	33.910.524.996	34.122.071.243
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(18.414.239.312)	(18.414.239.312)
Số cuối năm	2.393.914.378	164.432.113	83.215.707.112	85.774.053.603
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm	1.509.764.191	-	183.036.151.189	184.545.915.380
Số cuối năm	1.298.217.944	-	188.277.607.125	189.575.825.069



Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 188.905.409.991 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 183.036.151.189 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 983.666.055 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 983.666.055 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 98.080.022.508 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 50.479.451.769 đồng).

#### **11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của hai (02) lô đất sau:

- (a) Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ, Xã Hòa Châu, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng có diện tích 12.594,80 m<sup>2</sup> với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết minh số 18.
- (b) Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với số tiền 936.000.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết minh số 18.

#### **12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	20.980.000.000	20.980.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	23.120.000.000	23.120.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	10.960.221.847	10.960.221.847
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (Thuyết minh số 14)	14.360.000.000	-
	<b>122.420.221.847</b>	<b>108.060.221.847</b>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Quảng Bình	99,9%	99,9%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Phú Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Gia Lai	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Kon Tum	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Đà Nẵng	77,06%	77,06%	Dịch vụ taxi



Trong năm 2017, theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2017/NQ-MLMT ngày 7 tháng 8 năm 2017, Công ty đã thực hiện nhận chuyển nhượng thêm 45.600 cổ phần từ Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng với giá mua là 300.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 13.680.000.000 đồng. Theo đó, Công ty hiện đang nắm giữ 52.400 cổ phần, tương đương 77,06% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.800 cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ sở hữu). Theo đó, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng là đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 12).

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối năm Giá gốc VND	Số đầu năm Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	24.124.433.000	24.124.433.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ trực tiếp (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	Khánh Hòa	5,78	5,78	Dịch vụ taxi

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ đầu tư trực tiếp và gián tiếp (thông qua các công ty con) của Công ty vào MSH là 25,08% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 25,08%). Theo đó, khoản đầu tư của Công ty vào MSH được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết.

**14. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	1.773.990.556	1.054.065.885
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	3.616.791.431	2.960.022.146
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	388.321.737	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	1.949.707.446	534.299.546
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	10.526.359.741	8.577.193.109
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (MSH) (*)	7.106.421.272	7.106.421.272
	<b>25.361.592.183</b>	<b>20.232.001.958</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng của Công ty, Công ty và các công ty con chưa nhận được báo cáo tài chính đã kiểm toán của MSH cho năm 2017 nên Ban Tổng Giám đốc không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính của MSH để làm cơ sở ước tính lại số dư dự phòng giảm giá đầu tư vào MSH dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho các công ty thành viên của Công ty (Thuyết minh số 29)	506.048.571	371.799.240
Phải trả các công ty thành viên trong MLG (Thuyết minh số 29)	2.112.550.983	2.328.571.193
Xí Nghiệp Toyota Đà Nẵng-Công ty CP Phú Tài	-	25.037.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	200.148.644	200.148.644
Phải trả người bán ngắn hạn khác	3.326.128.629	3.564.723.508
	<b>6.144.876.827</b>	<b>31.502.742.585</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp, cần trừ trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	226.964.700	13.278.402.788	11.480.946.339	2.024.421.149
Thuế thu nhập cá nhân	355.174.381	2.477.880.694	2.353.141.141	479.913.934
Các loại thuế khác	-	202.910.000	202.910.000	-
	<b><u>582.139.081</u></b>	<b><u>15.959.193.482</u></b>	<b><u>14.036.997.480</u></b>	<b><u>2.504.335.083</u></b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.283.497.876</b>	<b>21.617.157.600</b>
Kinh phí công đoàn	354.810.286	285.491.210
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	891.233.380	1.103.980.419
Phải trả cho các công ty thành viên của Công ty (Thuyết minh số 29)	6.195.056.299	6.909.029.835
Phải trả các công ty thành viên trong MLG (Thuyết minh số 29)	26.417.508	25.463.234
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	288.509.230	219.969.032
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	2.323.207.654	2.062.552.870
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.486.584.015	2.906.248.975
Phải trả tiền đặt cọc xe hợp tác kinh doanh (*)	3.496.862.798	7.703.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.220.816.706	400.922.025
<b>b. Dài hạn</b>	<b>63.575.815.491</b>	<b>53.040.478.932</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (**)	10.551.931.573	11.244.478.932
Phải trả tiền đặt cọc xe hợp tác kinh doanh (*)	53.023.883.918	41.796.000.000
	<b><u>81.859.313.367</u></b>	<b><u>74.657.636.532</u></b>

(\*) Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư và được phân loại ngắn hạn, dài hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

(\*\*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nhân viên nghỉ việc; và các khoản ký quỹ mở thẻ "Mailinh Customer Club" ("MCC") của khách hàng.

1250  
HI N  
CÔNG  
NH  
ELO  
IET  
TP



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**18. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	30.512.191.791	30.512.191.791	106.827.060.926	97.887.599.588	39.451.653.129	39.451.653.129
Vay ngắn hạn cá nhân	10.683.000.000	10.683.000.000	7.510.000.000	10.303.000.000	7.890.000.000	7.890.000.000
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	31.392.929.004	31.392.929.004	38.555.915.715	31.685.187.711	38.263.657.008	38.263.657.008
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	9.230.546.769	9.230.546.769	7.272.209.308	9.230.546.769	7.272.209.308	7.272.209.308
Vay công ty thành viên - Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Vay công ty thành viên - Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	6.000.000.000	6.000.000.000	-	830.000.000	5.170.000.000	5.170.000.000
	<b>88.418.667.564</b>	<b>88.418.667.564</b>	<b>160.765.185.949</b>	<b>150.536.334.068</b>	<b>98.647.519.445</b>	<b>98.647.519.445</b>

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay được thực hiện bằng Đồng Việt Nam, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 11 và chịu lãi suất trong khoảng từ 7,5%/năm đến 8,7%/năm (năm 2016: từ 7,5%/năm đến 8,8%/năm). Các khoản vay này có thời hạn vay từ 4 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động, có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,8% đến 0,87% (năm 2016: từ 0,87%/tháng đến 1%/tháng).

Vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (công ty con) thể hiện khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động với lãi suất 9%/năm (năm 2016: 9%/năm) với kỳ hạn 6 tháng.

Vay ngắn hạn từ Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (công ty con) thể hiện khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động với lãi suất 9%/năm (năm 2016: 9%/năm), với kỳ hạn 12 tháng.

19. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng	115.010.468.725	115.010.468.725	44.542.740.131	39.449.732.864	120.103.475.993	120.103.475.993
Vay dài hạn cá nhân	24.490.889.439	24.490.889.439	5.149.920.000	10.413.612.392	19.227.197.047	19.227.197.047
Vay đối tượng khác	-	-	9.600.000.000	600.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
	<b>139.501.358.164</b>	<b>139.501.358.164</b>	<b>59.292.660.131</b>	<b>50.463.345.256</b>	<b>148.330.673.040</b>	<b>148.330.673.040</b>

**Trong đó:**

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	40.623.475.772	45.535.866.316
- Số phải trả sau 12 tháng	98.877.882.392	102.794.806.724

Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho kinh doanh dịch vụ taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 10) và có thời hạn vay từ 48 tháng đến 96 tháng với lãi suất trong khoảng từ 7,7%/năm đến 11%/năm (năm 2016: 8%/năm đến 10,5%/năm).

Vay dài hạn cá nhân là các khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh xe taxi với thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,83% đến 1,08% (năm 2016: từ 0,83% đến 1,17%/tháng).

Vay dài hạn khác là khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (công ty con) bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, với kỳ hạn 2 năm.





Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	45.535.866.316	40.623.475.773
Trong năm thứ hai	50.476.558.914	36.666.546.549
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	51.941.962.186	60.548.835.827
Sau năm năm	376.285.624	1.662.500.016
	<b>148.330.673.040</b>	<b>139.501.358.165</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(45.535.866.316)	(40.623.472.773)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>102.794.806.724</b>	<b>98.877.882.392</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	6.640.717.791	99.889.307.791
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.042.505.919	9.042.505.919
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.439.630.500)	(5.439.630.500)
Giảm khác	-	-	-	(5.951.057)	(5.951.057)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>92.792.610.000</b>	<b>289.330.000</b>	<b>166.650.000</b>	<b>10.237.642.153</b>	<b>103.486.232.153</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.467.142.918	2.467.142.918
Tăng khác	-	-	-	4.000	4.000
Cổ tức được chia	-	-	-	(5.567.556.600)	(5.567.556.600)
Phân phối quỹ KT - PL	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>92.792.610.000</b>	<b>289.330.000</b>	<b>166.650.000</b>	<b>6.037.232.471</b>	<b>99.285.822.471</b>

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.100.000.000 đồng và công bố chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 6% với tổng số tiền là 5.567.556.600 đồng (năm 2016: 4.639.630.500 đồng) và chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 9% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, việc chia cổ tức bằng cổ phiếu chưa được thực hiện.

### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được duyệt và đã bán ra công chúng	9.279.261	9.279.261
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.279.261	9.279.261
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

### Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn cổ phần của Công ty là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 92.792.610.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	4.434.781	47,79	44.347.810.000	4.434.781	47,79	44.347.810.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66	11.743.800.000	1.174.380	12,66	11.743.800.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55	36.701.000.000	3.670.100	39,55	36.701.000.000
	<b>9.279.261</b>	<b>100</b>	<b>92.792.610.000</b>	<b>9.279.261</b>	<b>100</b>	<b>92.792.610.000</b>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**21. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>207.615.582.238</b>	<b>218.651.617.236</b>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	163.742.499.032	173.157.351.582
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	1.339.772.731	676.475.591
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	4.988.847.682	4.584.857.754
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	13.019.526.142	11.959.055.929
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	20.230.507.934	19.335.807.128
Doanh thu từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	-	6.614.545.455
Doanh thu các dịch vụ khác	4.294.428.717	2.323.523.797
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(127.313.804)</b>	<b>(90.032.760)</b>
Chiết khấu thương mại	(127.313.804)	(90.032.760)
	<b><u>207.488.268.434</u></b>	<b><u>218.561.584.476</u></b>

**22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ taxi	143.016.342.193	149.982.928.385
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	265.996.253	74.387.018
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	2.824.545.887	2.741.163.789
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	12.117.280.717	10.367.302.688
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	7.973.465.158	7.215.033.967
Giá vốn cho thuê thương hiệu	-	6.614.545.455
Giá vốn dịch vụ khác	2.521.727.773	-
	<b><u>168.719.357.981</u></b>	<b><u>176.995.361.302</u></b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.618.347.008	37.619.292.846
Chi phí nhân công	78.029.339.327	85.668.094.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.122.071.243	30.911.187.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.295.269.591	23.081.575.409
Chi phí khác	12.072.609.096	21.171.605.215
	<b><u>190.137.636.265</u></b>	<b><u>198.451.756.029</u></b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.124.865.921	305.658.403
Lợi nhuận được chia từ công ty con (Thuyết minh số 29)	5.000.000.000	9.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	177.939.508	332.948.481
	<b><u>6.302.805.429</u></b>	<b><u>9.638.606.884</u></b>

500-  
NHÀ  
NG  
HIỂM  
OIT  
T N  
P.H



**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	19.211.576.897	16.991.586.366
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.129.590.225	3.934.934.180
Chi phí hoạt động tài chính khác	411.894.413	929.658.880
	<b>24.753.061.535</b>	<b>21.856.179.426</b>

**26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.727.333.710	2.816.407.732
Khác	1.128.072.638	932.209.300
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.855.406.348</b>	<b>3.748.617.032</b>
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	1.399.400.000
Khác	288.639.493	818.374.406
<b>Chi phí khác</b>	<b>288.639.493</b>	<b>2.217.774.406</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.566.766.855</b>	<b>1.530.842.626</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	2.467.142.918	9.423.098.531
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.332.907.063)	(7.520.135.472)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.000.000.000	9.000.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.667.092.937	1.479.864.528
(Lỗ)/Thu nhập chịu thuế	(865.764.145)	1.902.963.059
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>380.592.612</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2016: 20%) trên thu nhập chịu thuế. Trong năm 2017, công ty không có thu nhập tính thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 865.764.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai. Khoản lỗ này có thể được mang sang với thời hạn tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác trong năm nay vì không có các chênh lệch đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh riêng doanh trong năm	2.580.000.090	4.611.818.221

002-C  
NH  
CY  
ƯU HẠP  
TE  
TM  
CHÍNH



**MẪU SỐ B 09-DN**

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
-	4.461.818.182
-	10.887.272.727
-	<b>15.349.090.909</b>

Cố đồng chính  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
viên trong MLG  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
/ liên quan khác  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Công ty thành viên của Công ty</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	113.634.341	15.499.732
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	54.618.686	272.727.273
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	161.606.558	2.642.249.920
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	221.996.866	1.554.316.092
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	121.147.069	446.453.369
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	214.541.411	2.790.974.232
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	511.816.159	11.227.005
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	820.907.073	40.317.912
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	410.679.796	13.374.733
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	126.836.159	38.704.278
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	791.213.260	-
	<b>3.548.997.378</b>	<b>7.825.844.546</b>

**Công ty thành viên trong MLG và các công ty liên quan khác**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	24.105.972.778	19.683.642.912
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	-	3.818.182
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	47.909.091	-
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	-	285.836.675
	<b>24.153.881.869</b>	<b>19.973.297.769</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
--	----------------	------------------

**Mua hàng hóa và dịch vụ**

<b>Công ty thành viên của Công ty</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	189.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	13.604.545	60.750.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	115.706.500	2.272.727
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	26.257.500	9.528.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	114.335.951	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	268.762.500	94.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	-	100.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	20.250.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	-	7.767.000
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	3.157.061.646	4.648.866.248
	<b>3.715.978.643</b>	<b>5.012.783.975</b>

**Công ty thành viên trong MLG và các công ty liên quan khác**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	14.304.342.268	15.708.223.569
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	880.627.800	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	225.780.000	-
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	95.510.000	1.364.455
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	-	2.363.636
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	-	973.636
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	372.390.909	29.686.736
Công ty CP Thương Mại Mê Kông Xanh	85.208.931	-
	<b>15.963.859.908</b>	<b>15.742.612.032</b>

**Các bên liên quan khác**

Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hồ Huy	639.925.455	2.201.100.000
	<b>639.925.455</b>	<b>2.201.100.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Cho vay</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	4.300.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	-	500.000.000
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	-	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	-	1.450.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	4.800.000.000	-
	<b>14.100.000.000</b>	<b>6.950.000.000</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Đi vay</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	9.000.000.000	600.000.000
Ông Võ Thành Nhân	2.100.000.000	-
Bà Lương Thị Hoàng Oanh	1.400.000.000	-
Ông Trương Tài	400.000.000	-
	<b>12.900.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Đầu tư</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	8.380.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	-	4.160.221.847
Công ty TNHH MTV Mai Linh KonTum	-	1.200.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	-	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	19.970.496.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	13.680.000.000	-
	<b>13.680.000.000</b>	<b>37.710.717.847</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Nhận cổ tức từ công ty con</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Huế	-	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Bình Định	-	1.600.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Kon Tum	-	1.200.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi	2.500.000.000	3.200.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	2.500.000.000	-
	<b>5.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chia cổ tức cho các cổ đông</b>		
Ông Hồ Huy	659.396.600	587.190.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	2.660.868.600	2.217.390.500
	<b>3.320.265.200</b>	<b>2.804.580.500</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Nhận chuyển nhượng cổ phần từ</b>		
Ông Võ Thành Nhân	6.228.000.000	-
Bà Lương Thị Hoàng Oanh	3.876.000.000	-
Ông Trương Tài	3.576.000.000	-
	<b>13.680.000.000</b>	<b>-</b>

1250  
 HI NI  
 CÔNG  
 NHIE  
 LO  
 ET  
 TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chuyển nhượng khoản đầu tư tại</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ</b>		
<b>và Tây Nguyên cho</b>		
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	7.300.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	-	6.000.000.000
	<b>-</b>	<b>13.300.000.000</b>

**Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương	2.785.718.000	2.494.576.000
Các khoản phúc lợi khác	1.923.094.630	1.596.905.600
	<b>4.708.812.630</b>	<b>4.091.481.600</b>

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khác</b>		
<b>Công ty thành viên của Công ty</b>		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	659.754.270	1.719.969.503
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	3.186.279.903	7.293.416.369
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	3.201.000	3.366.678.594
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	2.196.954.930	1.512.012.309
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.722.830.530	4.865.155.286
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	2.828.097.351	6.376.011.121
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	1.831.758.198	1.393.805.873
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	299.472.776	45.877.265
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	192.644.566	2.574.706
	<b>12.920.993.524</b>	<b>26.575.501.026</b>

**Công ty thành viên trong MLG và các công ty liên quan khác**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	20.155.979.003	12.247.561.719
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	2.297.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	90.122.973	98.822.973
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	13.607.000	13.607.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	464.000.000	464.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	61.940.319	61.940.319
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.357.867.543	1.357.867.543
CN Đông Bắc Bộ-Cty TNHH Du Lịch Mai Linh	38.081.032	-
CN NTB & TN - Cty TNHH Du Lịch Mai Linh	8.700.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	20.850.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	10.500.000	10.500.000
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	4.363.747	42.444.779
	<b>27.652.692.073</b>	<b>19.723.424.789</b>

002  
 ANH  
 TY  
 HUUH  
 TTE  
 AM  
 CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả người bán</b>		
<b>Công ty thành viên của Công ty</b>		
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	506.048.571	371.799.240
	<b>506.048.571</b>	<b>371.799.240</b>
<b>Công ty thành viên trong MLG và các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	1.591.944.562	2.110.527.562
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	381.747.490	3.850.000
Công ty CP TM DV Thiết Kế & In Bao Bì Năng Động	2.200.000	5.851.000
Chi Nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	61.215.000	20.405.000
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	103.950.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	-	8.543.700
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	10.854.131	10.854.131
Công ty CP Sản Xuất & Thương Mại Mai Linh	60.299.800	60.299.800
Công ty CP Mai Linh Miền Nam	4.290.000	4.290.000
	<b>2.112.550.983</b>	<b>2.328.571.193</b>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả khác</b>		
<b>Công ty thành viên của Công ty</b>		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	231.000	471.839.300
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	4.234.594.517	2.604.807.797
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	-	59.997.606
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.497.600.000	3.036.273.469
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	462.630.782	226.946.986
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	-	10.536.860
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	-	495.153.697
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	-	3.474.120
	<b>6.195.056.299</b>	<b>6.909.029.835</b>
<b>Công ty thành viên trong MLG và các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	1,360,000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	954.274	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	23.933.234	23,933,234
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	170.000	170,000
	<b>26.417.508</b>	<b>25,463,234</b>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cho vay ngắn hạn, dài hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	2.600.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	5.862.155.258	2.404.408.030
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	-	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	435.794.930	558.723.516
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	4.800.000.000	-
	<b>14.697.950.188</b>	<b>5.963.131.546</b>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Vay ngắn hạn, dài hạn từ các công ty con</b>		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	5.170.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	9.600.000.000	600.000.000
	<b>14.770.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>





	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Vay từ các cá nhân liên quan</b>		
Ông Võ Thành Nhân	2.100.000.000	-
Bà Lương Thị Hoàng Oanh	1.400.000.000	-
Ông Trương Tài	400.000.000	-
	<b>3.900.000.000</b>	<b>-</b>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	14.360.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	20.980.000.000	20.980.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	23.120.000.000	23.120.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	10.960.221.847	10.960.221.847

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 96.490.177 đồng (năm 2016: 0 đồng) là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 220.000.000 đồng (năm 2016: 570.314.859 đồng), là số tiền phát sinh từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thu hồi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 3.795.500.000 đồng (năm 2016: 1.499.999.997 đồng), là số tiền phát sinh từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thu hồi bằng cách cản trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

Tiền chi cho vay trong năm không bao gồm 13.800.000.000 đồng (năm 2016: 0 đồng), là số tiền phát sinh từ cho vay trong năm bằng cách cản trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

Tiền thu hồi cho vay trong năm không bao gồm 2.618.650.938 đồng (năm 2016: 0 đồng), là số tiền thu hồi cho vay bằng cách cản trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 3.900.000.000 đồng (năm 2016: 37.710.717.847 đồng), là số tiền chi để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng bằng hình thức nhận nợ vay ngắn hạn. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.486.000.000 đồng (năm 2016: 9.000.000.000 đồng), là số tiền lãi cho vay và lợi nhuận được chia từ các công ty con phát sinh trong năm nhưng chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.772.098.277 đồng (năm 2016: 332.948.481 đồng) là tiền lãi cho vay phát sinh trong năm được thu hồi bằng cách cản trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Tiền thu từ đi vay trong năm không bao gồm 3.900.000.000 đồng (năm 2016: 0 đồng) là tiền thu đi vay phát sinh trong năm từ nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 2.660.868.600 đồng (năm 2016: 3.401.640.225 đồng), là số cổ tức chia cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh đã được chi trả bằng cách căn trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.



**Dương Trung Tình**  
Người lập biểu



**Đoàn Triệu Chu Luân**  
Kế toán trưởng



**Võ Thành Nhân**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

